

NGHIÊN CỨU GIAN LẬN TRONG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

Tạ Thu Trang

Viện Kế toán – Kiểm toán, Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: tthutrang7050@yahoo.com

Ngày nhận: 02/6/2018

Ngày nhận bản sửa: 20/7/2018

Ngày duyệt đăng: 05/8/2018

Tóm tắt:

Bài viết nghiên cứu các hình thức và cách thức gian lận, các khoản mục dễ bị gian lận trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát 68 kiểm toán viên có kinh nghiệm làm việc tại các công ty kiểm toán tại Việt Nam. Bài viết sử dụng phần mềm SPSS tiến hành thống kê mô tả để xác định hình thức gian lận phổ biến là điều hòa lợi nhuận và tài sản, các khoản mục phổ biến dễ bị gian lận là doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, hàng tồn kho, nợ phải trả, tài sản cố định và chi phí bán hàng. Để thực hiện hành vi gian lận đối với các khoản mục, các cách thức gian lận phổ biến là khai khống hay khai giảm doanh thu và chi phí, công nợ và cổ tình hạch toán sai niên độ kế toán, không công bố thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính tùy thuộc mục tiêu khác nhau của doanh nghiệp.

Từ khóa: Các doanh nghiệp, điều hòa lợi nhuận và tài sản, gian lận trong lập Báo cáo tài chính, hình thức gian lận phổ biến.

Mã JEL: M42

Research on Fraudulent Financial Reporting of Enterprises in Vietnam

Abstract:

This research investigates popularly fraudulent forms and methods, items in the financial statements of firms in Vietnam. The author has used quantitative methods through a survey of 68 experienced auditors working for auditing firms in Vietnam. Using SPSS software, descriptive statistics is employed to determine the most popular form of fraud which is net income and net worth (asset) smoothing, popularly fraudulent items including revenues from sales and services, cost of goods sold, inventories, liabilities, fixed assets and selling expenses. In order to commit fraudulent financial reporting to these items, popularly fraudulent methods are overstated or understated sales and expenses, liabilities and intentional recognition of improper accounting period, undisclosed information on notes to financial statements, depending on different purposes of the enterprises.

Keywords: Enterprises, Net income & net worth (asset) smoothing, Fraudulent financial reporting, Popular form of fraud.

JEL code: M42

1. Giới thiệu

Gian lận tài chính trong những năm gần đây gây tổn thất nghiêm trọng nền kinh tế thế giới hàng năm, ước tính khoảng 6,3 nghìn tỷ USD (ACFE, 2016) và gây sụp đổ các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới.

Mức độ tinh vi và tính phức tạp của các hành vi gian lận tài chính tiếp tục gia tăng và đe dọa nền kinh tế thế giới. Cụ thể, Cơ quan Chống gian lận nghiêm trọng của Anh mở cuộc điều tra hình sự đối với Tập đoàn Tesco sau vụ bê bối khai khống lợi nhuận lên

tới 250 triệu GBP trong 6 tháng đầu năm 2014. Vụ bê bối này khiến 8 nhà quản lý cấp cao của Tesco bị đình chỉ công việc và Chủ tịch Tập đoàn Tesco tuyên bố từ chức (Đỗ Sinh, 2014). Tiếp theo, vào tháng 4 năm 2015, thị trường chứng khoán của Nhật Bản phát hiện vụ bê bối tài chính lớn nhất đối với doanh nghiệp Nhật từ vụ bê bối 1,7 tỷ USD của tập đoàn Olympus hồi năm 2011. Tập đoàn Toshiba của Nhật Bản điều chỉnh lợi nhuận ít nhất 170 tỷ JPY, tương đương 1,22 tỷ USD, sau khi bị phát hiện khai khống lợi nhuận trong vòng 6 năm hoạt động. Kết quả của vụ bê bối tài chính này là tập đoàn Toshiba bị phạt từ 300 tỷ đến 400 tỷ JPY, tương đương với 2,4 tỷ đến 3,2 tỷ USD và 3 lãnh đạo cao cấp của tập đoàn phải từ chức (Diệp Vũ, 2015).

Ở Việt Nam, sai phạm liên quan đến gian lận trong lập báo cáo tài chính trở nên phổ biến trong những năm gần đây. Điển hình như vụ gian lận báo cáo tài chính của công ty Bông Bạch Tuyết, Dược Viễn Đông, Ngân hàng Eximbank,... Đặc biệt, hiện tượng chênh lệch giữa số liệu trong báo cáo tài chính của công ty niêm yết trước và sau kiểm toán ngày càng gia tăng. Cụ thể, xét riêng cho chỉ tiêu lợi nhuận, số liệu thống kê của Vietstock từ năm 2012 đến 6 tháng đầu năm 2015 cho thấy tỷ lệ các công ty niêm yết điều chỉnh sau kiểm toán mỗi năm đều trên chiếm trên 70%, 6 tháng đầu năm 2015 cũng chiếm hơn 52% (Minh An, 2015).

Với tính nghiêm trọng của gian lận nói chung, đặc biệt gian lận trong lập báo cáo tài chính tác động tới doanh nghiệp như doanh nghiệp bị hủy niêm yết trên thị trường chứng khoán, thậm chí tuyên bố phá sản và ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển ổn định bền vững của nền kinh tế Việt Nam.

Dựa trên khoảng trống từ tổng quan nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam, tác giả tiến hành nghiên cứu gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam dưới góc độ nhận định của kiểm toán viên độc lập.

2. Tổng quan nghiên cứu

2.1. Tổng quan nghiên cứu nước ngoài

Trong các thập kỷ qua, nhiều công trình nghiên cứu về gian lận trong lập báo cáo tài chính, nổi bật là các nghiên cứu trong khoảng thời gian dài và quy mô lớn do các tổ chức Hiệp hội nghề nghiệp thực hiện như sau:

Cơ quan Kiểm toán Nhà nước của Mỹ thực hiện cuộc điều tra nghiên cứu 919 vụ gian lận liên quan

đến điều chỉnh lại báo cáo tài chính trong khoảng thời gian từ năm 1997-2002. Kết quả cho thấy gian lận trong lập báo cáo tài chính thường liên quan tới ghi nhận doanh thu chiếm 38% và ghi nhận chi phí chiếm 16% các vụ gian lận (GAO, 2002).

Ủy ban thuộc Hội đồng quốc gia của Mỹ về chống gian lận trong lập báo cáo tài chính (COSO) đã thực hiện 2 cuộc điều tra về gian lận trong lập báo cáo tài chính của các công ty niêm yết bao gồm: 204 vụ gian lận (từ năm 1987 đến năm 1997) và 347 vụ gian lận (từ năm 1998 đến năm 2007). Kết quả điều tra từ năm 1998-2007 chỉ ra các hình thức gian lận phổ biến là ghi nhận sai doanh thu (chiếm 61% các vụ gian lận) cao hơn so với kết quả điều tra từ năm 1987-1997 (chiếm 50% các vụ gian lận). Tiếp theo, khai khống tài sản chiếm 51%, khai thiếu chi phí và công nợ chiếm 31%, các cách thức gian lận khác là 20%, che dấu thông qua các giao dịch với các bên liên quan là 18%, giao dịch nội bộ là 24%, không công bố đầy đủ thông tin chiếm tỷ trọng thấp nhất là 1% các vụ gian lận (COSO, 1999; COSO, 2010).

Kết quả khảo sát về gian lận toàn cầu của Hiệp hội các nhà điều tra gian lận (ACFE) (2011) cho thấy giả mạo doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất (chiếm 37,1% các vụ gian lận) (trích dẫn của Wells, 2013, 332). Tiếp theo, gian lận liên quan định giá giá trị tài sản chiếm 35,2% và bỏ sót công nợ chiếm 35,2%, công bố không đầy đủ thông tin chiếm 22,9% và tỷ lệ thấp nhất là sai lệch thời gian/niên độ kế toán là 14,3% (trích dẫn của Wells, 2013, 332)

Ngoài ra, các công trình nghiên cứu của các tác giả trên thế giới chỉ ra rằng doanh thu là khoản mục phổ biến bị lạm dụng thông qua hành vi khai khống doanh thu (Nelson & cộng sự, 2003; Rezaee, 2005; Dechow & cộng sự, 2011, Lau & Ooi, 2016). Các hành vi khai khống doanh thu thường được thực hiện như ghi nhận sớm doanh thu và giả mạo doanh thu. Khoản mục thứ hai thường bị lạm dụng thực hiện gian lận là khoản mục chi phí thường thông qua hành vi khai giảm chi phí bằng các bút toán lập dự phòng (Nelson & cộng sự, 2003; Dechow & cộng sự, 2011; Lau & Ooi, 2016).

2.2. Tổng quan nghiên cứu trong nước

Lý Trần Kim Ngân (2011), Lê Nguyễn Thế Cường (2013), Tạ Thu Trang (2017) cho thấy hình thức gian lận phổ biến trong lập báo cáo tài chính, đặc biệt của các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam là khai khống lợi nhuận và tài sản. Trong đó,

các khoản mục trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thường bị lạm dụng thực hiện hành vi gian lận nhiều nhất. Cụ thể, khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bị gian lận chiếm từ 80% -100% và giá vốn hàng bán chiếm khoảng 60% trong các hành vi gian lận được phát hiện. Tiếp theo là bảng cân đối kế toán, khoản mục hàng tồn kho và khoản phải thu chiếm tỷ trọng từ 50% - 65% các hành vi gian lận bị phát hiện (chủ yếu là giả mạo tài sản). Không công bố đầy đủ các thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính chiếm tỷ trọng cao từ 45% - 90% (chủ yếu là không công bố đầy đủ các thông tin của các bên liên quan và các sự kiện kết thúc sau ngày khóa sổ).

Tóm lại, các kết quả nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam cho thấy hình thức gian lận phổ biến trong lập báo cáo tài chính là khai khống lợi nhuận và tài sản thông qua ghi nhận giả mạo hoặc ghi nhận sớm doanh thu, khai tăng tài sản, khai giảm chi phí; các khoản mục thường bị lạm dụng gian lận nhiều nhất là doanh thu, tiếp theo là chi phí và tài sản. Tuy nhiên, phần lớn các công trình nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam đều thực hiện đối với các khách thể là các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán, rất ít các công trình nghiên cứu về hình thức, cách thức và khoản mục dễ bị gian lận trong các doanh nghiệp tại Việt Nam. Do đó, tác giả tiến hành nghiên cứu gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam trên các khía cạnh như hình thức gian lận, cách thức gian lận và các khoản mục phổ biến bị lạm dụng gian lận dưới góc độ nhận định của kiểm toán viên độc lập để giúp cộng đồng đầu tư, công ty kiểm toán và các nhà quản lý tham khảo đưa ra nhận định trong đầu tư và quản lý.

3. Cơ sở lý thuyết về gian lận trong lập Báo cáo tài chính

3.1. Khái niệm gian lận trong lập Báo cáo tài chính

Trong lĩnh vực tài chính kế toán, thuật ngữ “Gian lận trong lập báo cáo tài chính” được hiểu là hành vi gian lận được thực hiện hoặc thông đồng thực hiện bởi các nhà quản lý. Do đó, thuật ngữ “Gian lận trong lập báo cáo tài chính” có thể được gọi là gian lận của nhà quản lý (Management Fraud).

“Gian lận trong lập báo cáo tài chính là hành vi gian lận có chủ ý được thực hiện bởi nhà quản lý gây tổn hại tới nhà đầu tư và chủ nợ thông qua trình bày sai lệch trọng yếu các thông tin trên báo

cáo tài chính” (Elliott & Willingham, 1980, 4).

Khái niệm về gian lận trong lập báo cáo tài chính được đề cập với các thuật ngữ khác nhau với sự thay đổi của Hướng dẫn chuẩn mực kiểm toán của Mỹ (SAS) và chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) qua các thời kỳ khác nhau. Năm 1977, Ủy ban kiểm toán Mỹ (AICPA) ban hành SAS số 16 là chuẩn mực đầu tiên về gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính với tiêu đề “Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập đối với phát hiện sai sót và hành vi bất hợp pháp”. Trong đó, cụm từ “Gian lận trong lập báo cáo tài chính” được đề cập là hành vi bất hợp pháp nhằm trình bày sai lệch thông tin trên báo cáo tài chính (AICPA, 1977). Đến năm 1997, SAS số 82 ban hành thay thế cho SAS số 53 (ban hành năm 1988), “Hành vi bất hợp pháp” được chuyển thành “Sai phạm từ gian lận trong lập báo cáo tài chính là các hành vi sai phạm có chủ ý hoặc cố ý bỏ sót thông tin hoặc trình bày có chủ ý để lừa dối người sử dụng thông tin” (AICPA, 1988; AICPA, 1997, 7). Năm 2002, SAS số 99 phát hành thay thế SAS số 82 định nghĩa “Sai phạm từ gian lận trong lập báo cáo tài chính là hành vi sai phạm có chủ ý hoặc cố ý bỏ sót thông tin hay trình bày sai lệch có chủ ý thông tin trên báo cáo tài chính nhằm lừa dối người sử dụng báo cáo tài chính, mà những sai phạm đó ảnh hưởng tới báo cáo tài chính không được trình bày tuân thủ theo các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi (GAAP), xét trên khía cạnh trọng yếu” (AICPA, 2002, 1722).

Theo VSA số 240 và ISA số 240, “Gian lận trong lập báo cáo tài chính là hành vi làm thay đổi, làm giả mạo các chứng từ kế toán; làm sai lệch hoặc cố ý không trình bày hay cố ý bỏ sót các thông tin quan trọng trong báo cáo tài chính; cố ý áp dụng sai, không tuân thủ các nguyên tắc kế toán trong lập báo cáo tài chính để lừa đảo người sử dụng báo cáo tài chính” (IAASB, 2009, 167; Bộ Tài chính, 2012, 159).

Gian lận trong lập báo cáo tài chính thường do nhà quản lý (Ban Giám đốc và Ban Quản trị) thực hiện. Do đó, nhà quản lý thường lạm dụng quyền hạn để không chế kiểm soát nội bộ để điều chỉnh báo cáo tài chính bằng các hành vi:

1. Hạch toán các bút toán khống vào thời điểm gần cuối niên độ kế toán để điều chỉnh kết quả kinh doanh nhằm đạt được mục đích khác nhau

phục vụ cho lợi ích cá nhân hoặc doanh nghiệp;

2.Điều chỉnh các giả định và thay đổi các xét đoán dùng để ước tính số dư tài khoản một cách bất hợp lý;

3.Không ghi nhận hoặc trì hoãn việc ghi nhận, ghi nhận trước các nghiệp vụ phát sinh trong niên độ kế toán vào báo cáo tài chính;

4.Cố tình che giấu và bỏ sót việc trình bày các sự kiện và nghiệp vụ ảnh hưởng tới các khoản mục trên báo cáo tài chính;

5.Dàn xếp các nghiệp vụ kinh tế phức tạp nhằm làm sai lệch tình hình kinh doanh và hiệu quả kinh doanh của đơn vị;

6.Sửa đổi chứng từ, sổ sách kế toán và điều khoản liên quan đến nghiệp vụ kinh tế phát sinh quy mô lớn và bất thường.

3.2.Các hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính

Gian lận trong lập báo cáo tài chính ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả trên báo cáo tài chính. Tùy theo mục tiêu của nhà quản lý, báo cáo tài chính được điều chỉnh theo ba hình thức với mức độ khác nhau. Các hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính bao gồm: khai khống lợi nhuận và tài sản (Net Income/ Net Worth (Asset) Overstatement) hoặc khai giảm lợi nhuận và tài sản (Net Income/ Net Worth (Asset) Understatement), điều hòa lợi nhuận và tài sản (Net Income/ Net Worth (Asset) Smoothing) (Wells, 2013; ACFE, 2016; Arens & cộng sự, 2017). Các cách thức gian lận đối với từng hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính như sau:

3.2.1. Hình thức khai khống lợi nhuận và tài sản trong lập báo cáo tài chính:

Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: khai khống doanh thu, khai giảm chi phí.

Đối với Bảng cân đối kế toán: khai khống giá trị tài sản ngắn hạn và dài hạn, giảm các khoản nợ phải trả.

Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: phân loại sai luồng tiền từ hoạt động kinh doanh sang hoạt động đầu tư hoặc hoạt động tài chính.

Đối với Thuyết minh Báo cáo tài chính: cố tình không công bố đầy đủ các thông tin quan trọng liên quan đến báo cáo tài chính như công bố thông tin các bên liên quan, thay đổi chính sách kế toán,...

3.2.2. Hình thức khai giảm lợi nhuận và tài sản trong lập báo cáo tài chính:

Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: khai giảm doanh thu, khai khống chi phí.

Đối với Bảng cân đối kế toán: ghi giảm giá trị tài sản ngắn hạn và dài hạn, ghi tăng nợ phải trả.

Đối với Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: phân loại sai luồng tiền từ hoạt động đầu tư hoặc tài chính sang hoạt động kinh doanh.

Đối với Thuyết minh Báo cáo tài chính: cố tình không công bố hoặc công bố không đầy đủ các thông tin trong thuyết minh về tài sản và nợ phải trả, giao dịch với các bên liên quan, chính sách kế toán,...

3.2.3. Hình thức điều hòa lợi nhuận và tài sản trong lập báo cáo tài chính:

Điều hòa lợi nhuận/tài sản là hình thức gian

Bảng 1. Kết quả thống kê mô tả các hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính

Các hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính	Số quan sát	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Khai khống lợi nhuận và tài sản	68	1	5	2,52	1,298
Khai giảm lợi nhuận và tài sản	68	1	5	2,47	1,343
Điều hòa lợi nhuận và tài sản	68	1	5	3,41	0,604
Valid N (listwise)	68				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả.

Bảng 2. Kết quả thống kê mô tả về các khoản mục dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận trong Bảng cân đối kế toán

Các khoản mục	Số quan sát	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Tiền và các khoản tương đương tiền	68	1,00	4,00	2,17	1,208
Khoản phải thu	68	2,00	4,00	2,76	1,271
Hàng tồn kho	68	3,00	5,00	4,05	0,878
Tài sản cố định	68	2,00	4,00	3,17	0,711
Các khoản đầu tư tài chính	68	2,00	4,00	2,52	0,610
Nợ phải trả	68	2,00	4,00	3,29	0,574
Vốn chủ sở hữu	68	2,00	4,00	2,47	0,701
Valid N (listwise)	68				

lận trong lập báo cáo tài chính mà doanh thu và chi phí, tài sản được kết chuyển qua các năm tài chính nhằm giảm sự biến động của lợi nhuận/tài sản qua các năm. Hay nói cách khác, doanh nghiệp luôn duy trì tăng trưởng ổn định đối với lợi nhuận/tài sản mà không có sự biến động lợi nhuận tăng hay giảm giữa các năm nhằm tạo niềm tin cho nhà đầu tư trong thời gian dài hạn. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện tại, điều hòa lợi nhuận và tài sản được kết hợp giữa các cách thức của hình thức gian lận khai khống lợi nhuận và tài sản và khai giảm lợi nhuận và tài sản trong lập báo cáo tài chính.

4. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua sử dụng bảng hỏi để khảo sát các kiểm toán viên có kinh nghiệm đang làm việc tại các công ty kiểm toán tại Việt Nam được thực hiện từ tháng 3 năm 2017 đến tháng 7 năm 2017. Tác giả thiết kế bảng hỏi và sử dụng thang đo Likert từ thang điểm 1 đến 5 để xác định mức độ phổ biến của các hình thức gian lận, các khoản mục dễ bị gian lận và các cách thức gian lận đối với các khoản mục với các mức điểm khác nhau. Cụ thể, 1 điểm là hoàn toàn không phổ biến, 2 điểm là không phổ biến, 3 là phổ biến (mức trung bình), 4 điểm là rất phổ biến, 5 điểm

là hoàn toàn phổ biến. Tổng số phiếu khảo sát được phát tới 200 kiểm toán viên có từ 5 năm kinh nghiệm kiểm toán và chủ yếu là những kiểm toán viên ở vị trí chủ chốt của các công ty kiểm toán tại Việt Nam như Phó Giám đốc, Trưởng phòng và Phó phòng kiểm toán.

Quy trình khảo sát được thực hiện theo các cách sau: gửi phiếu khảo sát theo email bằng phần mềm tự động của Google mail, gọi điện thoại trực tiếp cho đối tượng khảo sát, gửi phiếu khảo sát trực tiếp tới đối tượng khảo sát tham gia lớp cập nhật kiến thức của kiểm toán viên do Bộ Tài chính tổ chức. Sau khi thu hồi phiếu khảo sát, tác giả tiến hành loại bỏ phiếu khảo sát không hợp lệ và thu về 68 phiếu hợp lệ. Kết quả thông tin nhân khẩu học của đối tượng khảo sát cho thấy xấp xỉ 70% đối tượng khảo sát là Phó Giám đốc, Trưởng phòng và Phó phòng của các công ty kiểm toán và 94% là các kiểm toán viên đều có chứng chỉ kiểm toán hành nghề của Việt Nam. Đối với loại hình công ty kiểm toán, tác giả chia làm 4 nhóm: các công ty kiểm toán trong nước là thành viên của hãng quốc tế chiếm chủ yếu là 52,3%, tiếp theo là các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big 4 (21,6%) và công ty kiểm toán trong nước không là thành viên của hãng quốc tế (21,6%), các công ty kiểm toán nước ngoài không thuộc nhóm Big 4 chiếm tỷ lệ thấp 4,5%.

Bảng 3. Kết quả thống kê mô tả các khoản mục phổ biến dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Các khoản mục	Số quan sát	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	68	3,00	5,00	4,05	0,543
Doanh thu từ hoạt động tài chính	68	2,00	3,00	2,64	0,481
Giá vốn hàng bán	68	3,00	5,00	3,94	0,543
Chi phí bán hàng	68	2,00	4,00	3,11	0,586
Chi phí quản lý doanh nghiệp	68	2,00	4,00	2,94	0,730
Chi phí hoạt động tài chính	68	2,00	4,00	2,64	0,685
Valid N (listwise)	68				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả.

Tác giả sử dụng phần mềm SPSS tiến hành thống kê mô tả để xác định mức độ phổ biến của các hình thức gian lận, khoản mục dễ bị gian lận và các cách thức gian lận đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo đối với các biến đo lường bằng chỉ số Cronbach Alpha đều có chỉ số từ 0,7 trở lên. Điều đó cho thấy các thang đo đối với các biến đo lường đều đảm bảo độ tin cậy.

5. Kết quả nghiên cứu

5.1. Hình thức gian lận phổ biến trong lập báo cáo tài chính

Đối với các hình thức gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam, hình thức điều hòa lợi nhuận và tài sản được đánh giá cao nhất với mức điểm là 3,41 điểm so với hai hình thức gian lận khác trong lập báo cáo tài chính. Hình thức khai khống lợi nhuận và tài sản và khai giảm lợi nhuận và tài sản có mức điểm tương đồng nhau là 2,52 điểm và 2,47 điểm. Thông qua kết quả thống kê mô tả, hình thức điều hòa lợi nhuận và tài sản là hình thức gian lận phổ biến trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Để thực hiện gian lận trong lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp thường sử dụng các khoản mục trong các báo cáo khác nhau trong báo cáo tài chính thực hiện hành vi gian lận.

5.2. Các khoản mục phổ biến dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận và các cách thức gian lận phổ biến trong báo cáo tài chính

5.2.1. Các khoản mục dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận trong Bảng cân đối kế toán

Đối với Bảng cân đối kế toán, hàng tồn kho là khoản mục rất phổ biến bị sai phạm trọng yếu nhất do gian lận với mức thang điểm là 4,05 điểm. Tiếp theo, khoản mục nợ phải trả và tài sản cố định là các khoản mục phổ biến thứ hai dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận (3,29 điểm và 3,17 điểm). Khoản phải thu là hai khoản mục tương đối phổ biến với mức điểm (2,76 điểm). Tiền và các khoản tương đương tiền là khoản mục không phổ biến bị gian lận trong lập báo cáo tài chính (2,17 điểm).

5.2.2. Các khoản mục dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đối với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và giá vốn hàng bán là hai khoản mục rất phổ biến dễ bị sai phạm trọng yếu do gian lận đều đạt mức điểm tương ứng là 4,05 điểm và 3,94 điểm. Các khoản mục này có mối quan hệ tương quan chặt chẽ các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, đặc biệt khoản mục giá vốn hàng bán và hàng tồn kho được đánh giá với mức điểm tương tự nhau. Thông qua kết quả nghiên cứu, các doanh

Bảng 4. Kết quả thống kê mô tả các cách thức gian lận trong lập báo cáo tài chính đối với các hình thức gian lận của các doanh nghiệp tại Việt Nam

Các cách thức gian lận trong lập báo cáo tài chính	Số quan sát	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Hình thức khai khống lợi nhuận và tài sản					
Doanh thu giả mạo	68	2,00	5,00	3,82	0,862
Giấu công nợ và chi phí	68	3,00	5,00	3,29	0,574
Định giá sai tài sản	68	1,00	4,00	2,58	0,918
Cố tình hạch toán sai niên độ	68	3,00	4,00	3,52	0,502
Công bố không đầy đủ thông tin trong TMBáo cáo tài chính	68	3,00	4,00	3,35	0,481
Valid N (listwise)	68				
Hình thức khai giảm lợi nhuận và tài sản					
Cố tình khai giảm doanh thu	68	2,00	4,00	3,52	0,781
Khai tăng công nợ và chi phí	68	3,00	4,00	3,17	0,384
Định giá tài sản sai	68	1,00	4,00	2,41	0,777
Cố tình hạch toán sai niên độ	68	2,00	5,00	3,47	0,701
Công bố không đầy đủ thông tin trong TMBáo cáo tài chính	68	2,00	4,00	3,17	0,516
Valid N (listwise)	68				

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu của tác giả.

doanh nghiệp tại Việt Nam đang lạm dụng khoản mục giá vốn hàng bán, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, hàng tồn kho và khoản phải thu làm công cụ để khai giảm hoặc khống lợi nhuận/tài sản. Tiếp theo, các khoản mục chi phí như chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng dễ bị thực hiện sai phạm trọng yếu do gian lận (3,11 điểm và 2,94 điểm). Tuy nhiên, các khoản mục liên quan đến hoạt động tài chính như doanh thu từ hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính đều không phải là khoản mục mà doanh nghiệp lạm dụng thực hiện hành vi gian lận (khoảng 2,64 điểm).

5.2.3. Các cách thức gian lận đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính

Để thực hiện hành vi gian lận đối với các khoản mục trên báo cáo tài chính, các doanh nghiệp tiến hành thực hiện các cách thức gian lận như sau:

Với mục tiêu điều chỉnh báo cáo tài chính theo hình thức khai khống lợi nhuận/tài sản, giả mạo doanh thu với mức điểm là 3,82 điểm. Tiếp theo, cách thức cố tình hạch toán sai niên độ kế toán đối với các giao dịch phát sinh với điểm trung bình là 3,52 điểm. Không công bố đầy đủ các thông tin trong thuyết minh báo cáo tài chính là cách thức gian lận tương đối phổ biến

(3,35 điểm). Giấu công nợ và ghi giảm chi phí là hình thức phổ biến (xấp xỉ 3,3 điểm) trùng hợp với kết quả nghiên cứu về khoản mục nợ phải trả và các khoản mục chi phí như giá vốn hàng bán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm che dấu các giao dịch bất hợp pháp hoặc bất thường để chuyển lỗ hoặc chi phí cho các công ty con/các công ty có mục đích đặc biệt, che dấu công bố các khoản công nợ tiềm tàng,... Tuy nhiên, cách thức gian lận thông qua định giá sai tài sản không phải là cách thức gian lận phổ biến của doanh nghiệp tại Việt Nam hiện nay (2,58 điểm).

Đối với hình thức khai giảm lợi nhuận/tài sản, cố tình khai giảm doanh thu là cách thức gian lận phổ biến nhất liên quan khai giảm doanh thu với mức điểm trung bình cao nhất là 3,52 điểm. Tiếp theo, cố tình hạch toán sai niên độ kế toán đối với các giao dịch phát sinh như hạch toán sai thời điểm phát sinh các giao dịch liên quan doanh thu và chi phí. Công bố không đầy đủ thông tin trên thuyết minh báo cáo tài chính, khai tăng công nợ và chi phí cũng là cách thức gian lận phổ biến trong hình thức gian lận khai giảm lợi nhuận/tài sản. Định giá tài sản cũng không phải cách thức gian lận phổ biến đối với báo cáo tài chính của doanh nghiệp tại Việt Nam (2,41 điểm).

6. Kết luận

Hình thức gian lận phổ biến trong lập báo cáo tài chính tại các doanh nghiệp Việt Nam là hình thức điều hòa lợi nhuận/tài sản do báo cáo tài chính được lập với mục tiêu khác nhau. Để thực hiện hành vi gian lận, các khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, giá vốn hàng bán, hàng tồn kho, nợ phải trả, tài sản cố định và chi phí bán hàng là các khoản mục phổ biến dễ bị gian lận trong lập báo cáo tài chính. Cụ thể, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thường bị khai khống thông qua giả mạo doanh thu hoặc ghi nhận sai thời điểm phát sinh; giá vốn hàng bán thường bị khai giảm hoặc tăng thông qua các ước tính kế toán, ghi nhận sai niên độ kế toán. Đối với khoản mục chi phí và nợ phải trả, doanh nghiệp thường tiến hành che dấu công nợ và chi phí hoặc cố tình khai giảm chi phí thông qua hạch toán sai niên độ hoặc thông qua các ước tính kế toán.

Kết quả nghiên cứu tương đồng với các kết quả nghiên cứu trên thế giới và Việt Nam về các khoản mục, cách thức thực hiện gian lận trong lập báo cáo tài chính (COSO, 1999; GAO, 2002; Rezaee, 2005; COSO, 2010; ACFE, 2011; Lý Trần Kim

Ngân, 2011; Dechow & cộng sự, 2011; Lê Nguyễn Thế Cường, 2013; Lau và Ooi, 2016; Tạ Thu Trang, 2017). Tuy nhiên, hình thức gian lận có sự khác biệt giữa thế giới và Việt Nam do kết quả nghiên cứu trên thế giới chủ yếu thực hiện với khách thể là các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán như kết quả nghiên cứu của COSO (1999), GAO (2002), COSO (2010), kết quả khảo sát về gian lận toàn cầu của ACFE (2011), Lý Trần Kim Ngân (2011), Lê Nguyễn Thế Cường (2013), Lau và Ooi (2016), Tạ Thu Trang (2017) nên hình thức gian lận chủ yếu là khai khống lợi nhuận và tài sản.

Bài báo đã chỉ ra các hình thức và cách thức gian lận khác nhau trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam nhằm giúp các công ty kiểm toán và những người quan tâm xác định các hình thức gian lận phổ biến, khoản mục thường bị doanh nghiệp lạm dụng thực hiện hành vi gian lận và cách thức gian lận ảnh hưởng tới sai phạm trọng yếu tác động cấp độ báo cáo tài chính và cấp độ cơ sở dữ liệu hỗ trợ cho kiểm toán viên và các những người quan tâm có thể đưa ra quyết định kiểm toán và đầu tư một cách đúng đắn.

Dù vậy, kết quả nghiên cứu của bài báo cũng có một số hạn chế. Về phạm vi nghiên cứu, tác giả tập trung nghiên cứu hình thức, cách thức và các khoản mục dễ bị gian lận trong lập báo cáo tài chính của các doanh nghiệp tại Việt Nam mà chưa thực hiện nghiên cứu hành vi biến thủ tài sản tác động việc lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Về đối tượng khảo sát, tác giả tập trung khảo sát các kiểm toán viên độc lập. Để đảm bảo kết quả khảo sát có độ tin cậy và phản ánh trung thực thực trạng gian lận trong lập báo cáo tài chính, đối tượng khảo sát là các kiểm toán viên có kinh nghiệm lâu năm và thường tham gia lập kế hoạch kiểm toán, đặc biệt đánh giá rủi ro có gian lận. Do đó, tác giả tập trung khảo sát các kiểm toán viên có vị trí chủ chốt trong công ty kiểm toán như Phó Giám đốc, Trưởng phòng và Phó phòng kiểm toán. Số lượng phiếu khảo sát của nghiên cứu tương đối hạn chế là 68 phiếu. Tuy nhiên, đối tượng khảo sát trong tương lai cần tiếp tục mở rộng đối với các đối tượng khác như Trưởng kiểm toán nội bộ, chuyên gia điều tra gian lận, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (1977), *Statement on Auditing Standards No. 16 (1977) - The Independent Auditor's Responsibility*, Inc. New York, NT.
- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (1988), *Statement on Auditing Standards No. 53 (1988) - The auditor's responsibility to detect and report errors and irregularities*, Inc. New York, NT.
- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (1997), *Statement on Auditing Standards No. 82 (1997) - Considerations of Fraud in a Financial Statement Audit*, Inc. New York, NT.
- American Institute of Certified Public Accountants (AICPA) (2002), *Statement on Auditing Standards No. 99 - Considerations of Fraud in a Financial Statement Audit*, Inc. New York.
- Arens, A.A., Elder, R.J., Beasley, M.S. & Hogan, C.E. (2017), *Auditing and Assurance Services*, Pearson Education, Inc., London, UK.
- Association of Certified Fraud Examiners (ACFE) (2016), *ACFE Report to the Nations on Occupational Fraud and Abuse*, retrieved on September 1st 2017, from <<https://www.acfe.com/rtn2016/docs/2016-report-to-the-nations.pdf>>.
- Bộ Tài chính (2012), *Thông tư số 214/2012/TT-BTC về ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*, ban hành ngày 6 tháng 12 năm 2012.
- Lau, C.K. & Ooi, K.W. (2016), 'A case study on fraudulent financial reporting: evidence from Malaysia', *Accounting Research Journal*, 29(1), 4-19.
- Committee of Sponsoring Organization (COSO) (1999), *Fraudulent Financial Reporting: 1987-1997- An Analysis of US, Public Companies*, retrieved on May 12th 2016, from <<https://www.coso.org/Documents/FFR-1987-1997-Analysis-of-US-Public-Companies-Executive-Summary.pdf>>.
- Committee of Sponsoring Organization (COSO) (2010), *Fraudulent Financial Reporting: 1998-2007- An Analysis of US, Public Companies*, retrieved on May 12th 2016, from <<https://www.coso.org/Documents/COSO-Fraud-Study-2010-001.pdf>>.
- Dechow, P., Ge, W., Larson, C. & Sloan, R. (2011), 'Predicting material accounting manipulations', *Contemporary Accounting Review*, 28(1), 17-82.
- Diệp Vũ (2015), *Toshiba dính líu bê bối kế toán 1,2 tỷ USD*, truy cập lần cuối ngày 15 tháng 11 năm 2015, từ <<http://vneconomy.vn/the-gioi/toshiba-dinh-be-boi-ke-toan-12-ty-usd-20150721114556153.htm>>.
- Đỗ Sinh (2014), *Cơ quan điều tra 'sờ gáy' tập đoàn bán lẻ lớn nhất Anh quốc*, truy cập lần cuối ngày 1 tháng 2 năm 2017, từ <<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/tai-chinh-quoc-te/2014-10-30/co-quan-dieu-tra-so-gay-tap-doan-ban-le-lon-nhat-anh-quoc-14748.aspx>>.
- Elliott, R.K. & Willingham, J.J. (1980), *Management fraud: Detection and deterrence*, Petrocelli Books, New York.
- General Accounting Office (GAO) (2002), *Financial Statement Restatement: Trend, Market Impacts, Regulatory Responses and Remaining Challenges*, retrieved on December 25th 2015, from <<http://www.gao.gov/new.items/d03138.pdf>>.
- Lau, C.K. & Ooi, K.W. (2016), 'A case study on fraudulent financial reporting: evidence from Malaysia', *Accounting Research Journal*, 29(1), 4-19.
- Lê Nguyễn Thế Cường (2013), 'Giải pháp nâng cao trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập đối với việc phát hiện gian lận và sai sót trong kiểm toán báo cáo tài chính của công ty niêm yết Việt Nam', Luận văn thạc sỹ, Đại học kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Lý Trần Kim Ngân (2011), 'Hoàn thiện thủ tục kiểm toán nhằm phát hiện gian lận trên báo cáo tài chính của công ty niêm yết tại Việt Nam', Luận văn thạc sỹ, Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Minh An (2015), *Liên tục chênh lệch sau kiểm toán: Doanh nghiệp về gì*, truy cập lần cuối 21 tháng 11 năm 2015, từ <<http://vietstock.vn/2015/10/lien-tuc-chenh-lech-sau-kiem-toan-doanh-nghiep-dang-ve-gi-737-441594.htm>>.
- Nelson, M., Elliott, J. & Tarpley, R. (2003), 'How are earnings managed? Examples from auditors', *Accounting Horizons*, 17(1), 17-35.
- IAASB of IFAC (2009), *International Standards on Auditing (ISA) 240 "The auditor's responsibility to consider Fraud in an Audit of Financial Statements"*, retrieved on October 15th 2015, from <<http://www.ifac.org/system/files/downloads/a012-2010-iaasb-handbook-isa-240.pdf>>.
- Rezaee, Z. (2005), 'Causes, consequences and deterrence of financial statement fraud', *Critical Perspective on Accounting*, 16(3), 277-298.
- Tạ Thu Trang (2017), 'Kiểm toán gian lận trong kiểm toán báo cáo tài chính của các công ty phi tài chính niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam', Luận án tiến sỹ, Đại học kinh tế Quốc dân.
- Wells, J.T. (2013), *Corporate Fraud Handbook: Prevention and Detection*, John Wiley & Sons, United States of America.